| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 627/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2024
*V/v tranh chấp Ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thành Viên

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1671/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc T1, sinh năm 1975; địa chỉ: 5 H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1967, địa chỉ: 7 N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc T1 trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Ngọc K tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 180, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2000. Hạnh phúc gia đình

kéo dài đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tính không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cách nuôi dạy con cái nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột và cãi vã. Ông bà đã sống ly thân từ ngày 31/12/2016 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung, có hai người con chung là Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 04/07/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc Thiên K2, sinh ngày 13/05/2006. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Ngọc Thiên K2 và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2024 bà T1 thay đổi ý kiến, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Nguyễn Ngọc Thiên K2.

Ông K là bị đơn mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dụng án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Theo yêu cầu khởi kiện của bà T1 quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà T1 và ông K là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 180, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2000.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng chung sống, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc.

Bà T1 cho rằng cuộc sống chung giữa bà và ông K không có hạnh phúc do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cách nuôi dạy con cái nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột và cãi vã. Ông bà đã sống ly thân từ ngày 31/12/2016 cho đến nay.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, ông K đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, ông K cũng không tham gia các phiên hòa giải theo thông báo của Tòa án. Như vậy ông K không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T1 và ông K là có thật, đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về con chung:* Có hai người con chung là Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 04/7/2002 và Nguyễn Ngọc Thiên K2, sinh ngày 13/5/2006.

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2022 nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung trẻ Nguyễn Ngọc Thiên K2, sinh ngày 13/5/2006. Tuy nhiên tại thời điểm xét xử vụ án trẻ Nguyễn Ngọc Thiên K2 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét yêu cầu nuôi dưỡng trẻ Kim của nguyên đơn theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét, sau này phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc T1 được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 180, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2000 hết hiệu lực.

- Về con chung: Có hai người con chung là Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 04/7/2002 và Nguyễn Ngọc Thiên K2, sinh ngày 13/5/2006. Tất cả đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc T1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Phạm Thị Ngọc T1 đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013253 ngày 28/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà Phạm Thị Ngọc T1 đã đóng đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Nhung**